TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 15/6/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Thật

2. Ông Nguyễn Duy Thụy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 140/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2022/QĐST-DS ngày 26/5/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Yến L, sinh năm 1978;

Địa chỉ thường trú: A/B, khóm MP, phường MQ, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: B/C, khóm TH, phường MT, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: A/B, khóm MP, phường MQ, thành phố LX, tỉnh An Giang.

(bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là bà Trần Thị Yến L trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H do mai mối sau đó tiến tới hôn nhân có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường MQ, thành phố LX, tỉnh An Giang vào ngày 02.12.1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu, đến tháng 10/2010 thì không còn hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, bà L đã về nhà mẹ ruột sống từ năm 2010 và vợ chồng cũng đã ly thân từ đó đến nay. Bà L nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 18/10/1997 đã trưởng thành; Nguyễn Thị Yến NH, sinh ngày 20/9/2005. Hiện con chung Nguyễn Thị Yến NH đang sống cùng mẹ là bà Trần Thị Yến L. Sau khi ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Yến NH, sinh ngày 20/9/2005 cho đến khi trưởng thành. Bà Trần Thị Yến L không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Bà Trần Thị Yến L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt lý do điều kiện đi lại khó khăn.

Ông Nguyễn Thanh H vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

**** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:***

Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

*** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến nay:**

- Đối với nguyên đơn: đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý đến nay, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không tham gia các phiên hoà giải do Toà án thực hiện là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và còn phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà L được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu NH.

- Cấp dưỡng: Do bà L không có yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:***

[1.1] Tranh chấp giữa bà Trần Thị Yến L với ông Nguyễn Thanh H là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Bà Trần Thị Yến L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do điều kiện đi lại khó khăn. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo qui định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, Tòa án cũng tiến hành thu thập chứng cứ để xác định tình trạng cư trú của ông Nguyễn Thanh H và được Công an phường MQ, thành phố LX cung cấp thông tin "Nguyễn Thanh H, sinh năm 1978, hiện đang sinh sống ở địa phương". Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] ***Về nội dung:***

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H do mai mối sau đó tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu, đến tháng 10/2010 thì không còn hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, bà L đã về nhà mẹ ruột sống từ năm 2010 và vợ chồng cũng đã ly thân từ đó đến nay. Bà L nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông H.

[2.2] Phía bị đơn được Tòa án nhiều lần niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú nhưng ông H vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, cũng như không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của bà L. Như vậy, ông H đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc ông H không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên bà L và tạo thêm thời gian để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà L vẫn cương quyết

yêu cầu ly hôn vì vợ chồng đã ly thân, bà L và ông H không còn chung sống từ năm 2010 cho đến nay, nhưng giữa vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Từ đó, có thể nhận thấy ông H không còn quan tâm đến hôn nhân của mình, mặt khác tình cảm của bà L dành cho ông H không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn với ông H.

[2.4]Về con chung: Bà L và ông H có Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 18/10/1997 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét; Nguyễn Thị Yến NH, sinh ngày 20/9/2005. Hiện con chung Nguyễn Thị Yến NH đang sống cùng mẹ là bà Trần Thị Yến L. Sau khi ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Yến NH, sinh ngày 20/9/2005 cho đến khi trưởng thành. Mặt khác, tại biên bản ghi nguyện vọng, cháu NH cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Xét thấy, cháu NH hiện nay do bà L chăm sóc, do đó nhằm đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cháu Nguyễn Thị Yến NH, sinh ngày 20/9/2005 cho bà L tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục.

[2.5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà L và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông H được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[2.6] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] ***Về án phí*:** Bà Trần Thị Yến L phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 177; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273 và khoản 1 Điều 280; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Trần Thị Yến L. Bà Trần Thị Yến L được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Yến NH, sinh ngày 20/9/2005 cho bà Trần Thị Yến L tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Yến L và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông H được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Việc nuôi con không cố định.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Bà Trần Thị Yến L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001146 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Bà Trần Thị Yến L và ông Nguyễn Thanh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự ;*
- *VKSND TPLX;*
- *THADS TPLX;*
- *Lưu hồ sơ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đức Anh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA